

Số: 62/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y W, sinh năm 1997.

- Bị đơn: Anh A D, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã I, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y W và anh A D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y W và anh A D thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là A N, sinh ngày 13/02/2015 cho anh A D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Y W không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Y W có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y W nhận nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000710 ngày 13/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị Y W số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Ia Chim;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ry Thị Mỹ Hoàng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

Số: 52/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp ., ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị N1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số E Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số D T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị N1 và anh Trần Đình T.

3. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị N1 và anh Trần Đình T thỏa thuận - thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị N1 nhận nộp 150.000 đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 56.300.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000449 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị N1 56.150.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Kon Tum;
- UBND P. Quyết Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ry Thị Mỹ Hoàng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/2025/QĐST-HNGĐ

Tp ., ngày 07 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số A H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Anh M – Luật sư Văn phòng L thuộc đoàn luật sư tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T1 thoả thuận - thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 05/02/2021 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con.

-*Tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị H nhận nộp 150.000 đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000364 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Tp Kon Tum;
- UBND xã Vinh Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Tỷ